

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA ĐIỀU DƯỠNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	DUỢC LÝ DUỢC LÂM SÀNG		
Mã học phần:	233_71NURP30123	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	233_71NURP30123_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

Cách thức nộp bài phân tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng những kiến thức dược lý cơ bản về thuốc/các nhóm thuốc để giải quyết các tình huống lâm sàng mô phỏng.	Trắc nghiệm	30%	1-30	3	PI 1.2
CLO3	Phân biệt được các dạng bào chế, các đường đưa thuốc và cách sử dụng, các sai sót trong sử dụng thuốc.	Trắc nghiệm	40%	31-50	4	PI 3.1
CLO4	Hướng dẫn sử dụng thuốc phù hợp theo từng tình huống lâm sàng và hoàn thiện báo cáo phản ứng có hại của thuốc.	Tự luận	30%	51-65	3	PI 5.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Thực hiện 5 đúng trong phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc gồm đúng thuốc, đúng bệnh nhân, đúng, đúng đường dùng, đúng thời gian.

- A. Liều
- B. Nguyên nhân
- C. Bệnh
- D. Thời điểm

ANSWER: A

Các thuốc có hình dáng bên ngoài "hao hao" nhau, dễ gây nhầm lẫn - Look alike là các thuốc

- A. Đóng gói hoặc ghi nhãn tương tự
- B. Các thuốc có cách đọc "hao hao" nhau
- C. Các thuốc có cùng nhà sản xuất
- D. Các thuốc cùng một nhóm tác dụng

ANSWER: A

Môn học nghiên cứu về số phận của một thuốc khi được đưa vào cơ thể, được gọi là:

- A. Dược động học
- B. Dược lực học
- C. Dược trị liệu
- D. Dược liệu

ANSWER: A

Nên uống thuốc với...

- A. Nước đun sôi để nguội
- B. Sữa
- C. Nước trái cây
- D. Trà

ANSWER: A

Cơ quan đóng vai trò chủ yếu cho quá trình chuyển hoá thuốc là

- A. Gan
- B. Thận
- C. Phổi
- D. Da

ANSWER: A

Thuốc gây quái thai do tác hại của đồng phân đối quang hình học là:

- A. Thalidomid
- B. Sulfamid
- C. Indomethacin
- D. Atropin

ANSWER: A

Thuốc bị rút khỏi thị trường do tai biến trên tim mạch

- A. Rofecoxib
- B. Thalidomid
- C. Vitamin K
- D. Cotrimoxazol

ANSWER: A

Nguồn thông tin thuốc cấp 3 bao gồm:

- A. Dược thư quốc gia Việt Nam
- B. Sách chuyên khảo
- C. Các chuyên luận online
- D. Thư mục cơ sở dữ liệu

ANSWER: A

Tạp chí Dược học là nguồn thông tin thuốc cấp

- A. 2
- B. 1
- C. 3
- D. 4

ANSWER: A

Chiến lược tìm kiếm nguồn thông tin thuốc

- A. 3-2-1
- B. 1-2-3
- C. 2-1-3
- D. 2-3-1

ANSWER: A

Đặc điểm thiếu máu do thiếu vitamin B12, acid folic là

- A. Thiếu máu hồng cầu to
- B. Thiếu máu hồng cầu bình thường
- C. Thiếu máu nhược sắt
- D. Thiếu máu hồng cầu nhỏ

ANSWER: A

Các triệu chứng sau đây đều là triệu chứng đặc biệt của thiếu máu thiếu sắt, ngoại trừ

- A. Mệt mỏi, khó thở
- B. Teo gai lưỡi
- C. Hội chứng Pica
- D. Viêm nứt miệng

ANSWER: A

Triệu chứng đặc biệt do thiếu acid folic là

- A. Khuyết tật ống thần kinh
- B. Đánh trống ngực

- C. Viêm lưỡi
- D. Hội chứng Pica

ANSWER: A

Dung dịch có tác dụng thay thế huyết tương là

- A. Dextran
- B. Ringer lactat
- C. Glucose
- D. Acid amin

ANSWER: A

Thuốc có tác dụng làm đông máu toàn thân

- A. Vitamin K
- B. Albumin
- C. Gelatin
- D. Thrombin

ANSWER: A

Cơ chế tương tác thuốc giữa Ethinylestradiol và kháng sinh phổ rộng

- A. Tương tác thuốc ở giai đoạn hấp thu
- B. Tương tác thuốc ở giai đoạn phân bố
- C. Tương tác thuốc ở giai đoạn chuyển hoá
- D. Tương tác thuốc ở giai đoạn thải trừ

ANSWER: A

Các tài liệu tra cứu tương tác thuốc sau đây đều đúng, ngoại trừ

- A. Stabilis
- B. Dược thư quốc gia Việt Nam
- C. Drugs.com
- D. Medscape

ANSWER: A

Chất cảm ứng enzym sẽ làm tăng tác dụng (độc tính) của thuốc

- A. Dịch nước bưởi chùm
- B. Thức ăn nướng
- C. Khói thuốc
- D. Omeprazol

ANSWER: A

Kết tinh của Diazepam là.....

- A. Tương kỵ vật lý
- B. Tương kỵ hóa học
- C. Tương kỵ điều trị
- D. Không có tương kỵ

Khoảng thời gian bảo quản dung dịch thuốc mà nồng độ thuốc vẫn bảo đảm an toàn và hiệu quả là

- A. Độ ổn định
- B. Tương hợp
- C. Tương tác
- D. Tương kỵ

ANSWER: A

Thuốc hạ huyết áp dùng trong cấp cứu tiền sản giật

- A. Hydralazin
- B. Nifedipin
- C. Esmolol
- D. Nitroglycerin

ANSWER: A

Thuốc điều trị tăng huyết áp nào sau đây có tác dụng phụ gây ho khan

- A. Captopril
- B. Nifedipin
- C. Propranolol
- D. Acetazolamid

ANSWER: A

Định nghĩa tăng huyết áp là tình trạng tăng dai dẳng huyết áp động mạch khi trị số huyết áp tâm thu và tâm trương

- A. $\geq 140/90$ mmHg
- B. $\geq 120/90$ mmHg
- C. $120/80 - 140/90$ mmHg
- D. $\geq 160/90$ mmHg

ANSWER: A

Thuốc hạ huyết áp thuộc nhóm β – blocker (chẹn β) chống chỉ định cho bệnh nhân hen suyễn là

- A. Propranolol
- B. Atenolol
- C. Captopril
- D. Enalapril

ANSWER: A

Thuốc hạ huyết áp thuộc nhóm giãn mạch có thể gây rậm lông nếu dùng lâu

- A. Minoxidil
- B. Atenolol
- C. Hydralazin
- D. Enalapril

ANSWER: A

Kháng sinh nào sau đây có tác dụng diệt khuẩn

- A. β -lactam
- B. Macrolid
- C. Phenicol
- D. Cyclin

ANSWER: A

Kháng sinh nào chống chỉ định ở trẻ em dưới 15 tuổi do làm sụn bị tổn thương

- A. Moxifloxacin
- B. Cloramphenicol
- C. Tetracyclin
- D. Ampicillin

ANSWER: A

Phối hợp chất ức chế β -lactamase (acid clavulanic) với kháng sinh nào sau đây để mở rộng phổ kháng khuẩn

- A. Amoxicillin
- B. Cloramphenicol
- C. Moxifloxacin
- D. Tetracyclin

ANSWER: A

Chọn phát biểu đúng về nguyên tắc sử dụng kháng sinh

- A. Chỉ sử dụng kháng sinh khi bị nhiễm khuẩn
- B. Chọn kháng sinh bất kỳ
- C. Thời gian dùng kháng sinh từ 15-30 ngày
- D. Phối hợp kháng sinh để mở rộng phổ kháng khuẩn

ANSWER: A

Thời gian chủ yếu khi điều trị kháng sinh là

- A. 5-7 ngày
- B. 3 ngày
- C. Trên 15 ngày
- D. 3-5 ngày

ANSWER: A

Điều nào không phải tác dụng phụ của glucocorticoid

- A. Hạ đường huyết
- B. Gây loãng xương
- C. Ức chế tăng trưởng
- D. Loét dạ dày

ANSWER: A

Glucocorticoid (corticoid) có tính kháng viêm mạnh nhất

- A. Betamethasol
- B. Prednisolon
- C. Hydrocortison
- D. Triamcinolon

ANSWER: A

Chọn ý đúng nhất về nguyên tắc sử dụng glucocorticoid

- A. Liều dùng phụ thuộc chỉ định, đường dùng thuốc
- B. Dùng ngày 2 lần, trong thời gian ngắn
- C. Không cần giảm liều từ từ khi dùng trên 3 tuần
- D. Chia nhỏ liều trong ngày

ANSWER: A

Chỉ định nào phù hợp với tác dụng của NSAID (kháng viêm không steroid)

- A. Viêm xương khớp
- B. Ức chế miễn dịch
- C. Viêm loét dạ dày
- D. Hen suyễn

ANSWER: A

Ngoài tác dụng giảm đau hạ sốt, aspirin còn có tác dụng

- A. Chống kết tập tiểu cầu
- B. Ức chế miễn dịch
- C. Chống viêm
- D. Trị hen suyễn

ANSWER: A

Clarithromycin gây kích ứng ruột nên uống vào thời điểm nào

- A. Sau khi ăn
- B. Trước khi ăn
- C. Trước hay sau ăn đều được
- D. 6-8 giờ sáng

ANSWER: A

Đường dùng có thời gian bắt đầu tác dụng nhanh nhất

- A. Tiêm tĩnh mạch
- B. Uống
- C. Đặt trực tràng
- D. Đặt dưới lưỡi

ANSWER: A

Dạng bào chế nào là phù hợp cho trẻ em, người cao tuổi:

- A. Siro
- B. Viên nén
- C. Viên đặt
- D. Thuốc tiêm

ANSWER: A

Ưu điểm của đưa thuốc qua đường uống sau đây đều đúng, ngoại trừ

- A. Độ an toàn thấp
- B. Thuận tiện
- C. Đơn giản

D. Dễ sử dụng

ANSWER: A

Trẻ em nên ưu tiên đường tiêm nào

A. Tiêm tĩnh mạch

B. Tiêm bắp

C. Tiêm dưới da

D. Tiêm trong da

ANSWER: A

Một trong các yếu tố bảo vệ dạ dày

A. Prostaglandin

B. Acid dịch vị

C. H. Pylori

D. Pepsin

ANSWER: A

Thuốc thuộc nhóm kháng acid (trung hoà acid hay antacid)

A. Al(OH)₃

B. Cimetidin

C. Omeprazol

D. Amoxicillin

ANSWER: A

Lưu ý đặc biệt khi uống esomeprazol

A. Uống nguyên viên

B. Uống với thức ăn

C. Khởi đầu bằng liều cao

D. Nhai viên trước khi nuốt

ANSWER: A

Phác đồ chuẩn 3 thuốc diệt H.pylori

A. Omeprazol + Clarithromycin + Amoxicillin

B. Esomeprazol + Bismuth + Metronidazol

C. Tetracyclin + omeprazol + bismuth

D. Omeprazol + levofloxacin + rifabutin

Thuốc ngừa loét dạ dày tá tràng không dùng cho phụ nữ có thai do được chỉ định là thuốc phá thai nội khoa

A. Misoprostol

B. Sucralfat

C. Bismuth

D. Omeprazol

Tác dụng phụ của Salbutamol sau đây đều đúng, ngoại trừ:

A. Tăng kali huyết

B. Đánh trống ngực

C. Tăng đường huyết

D. Run

ANSWER: A

Xét nghiệm thường dùng chẩn đoán người bị hen suyễn tại bệnh viện là

- A. Test gắng sức
- B. Test chọn lựa thuốc
- C. Test lưu lượng đỉnh
- D. Đo dung tích phổi

ANSWER: A

Chọn thuốc trị hen suyễn có tác dụng giãn phế quản

- A. Theophyllin
- B. Prednisolon
- C. Montelukast
- D. Cromolyn

ANSWER: A

Kết hợp thuốc dùng trong điều trị hen suyễn do gắng sức

- A. Chủ vận B₂ adrenergic + cromolyn
- B. Chủ vận B₂ adrenergic + theophyllin
- C. Chủ vận B₂ adrenergic + kháng cholin
- D. Chủ vận B₂ adrenergic + corticoid

ANSWER: A

Thuốc giãn phế quản có giới hạn trị liệu hẹp, có thể gây động kinh, co giật khi qua liều

- A. Theophyllin
- B. Prednisolon
- C. Montelukast
- D. Salbutamol

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 51. Người bệnh A đang dùng thuốc giảm đau Efferalgan (paracetamol 500 mg) dạng viên sủi để trị đau khớp. Cần thận trọng khi sử dụng dạng bào chế trên ở bệnh nhân có tiền sử bệnh.....

Câu 52. Kể tên 1 nguồn thông tin cấp 3 có thể tra cứu dược động học, chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác, tương kỵ:.....

Câu 53. Khi sử dụng kháng sinh cefuroxim thì cần lưu ý gì về cách dùng thuốc?

Câu 54. Thời điểm (trước bữa ăn/trong bữa ăn/sau bữa ăn) phù hợp khi uống cephalixin để tăng hấp thu là

Câu 55. Kháng sinh nào có tác dụng phụ gây suy tuỷ, hội chứng xám ở trẻ sơ sinh là.....

Câu 56. Gentamicin có độc tính trên hai hệ cơ quan là..... và.....

- Câu 57. Doxycyclin là kháng sinh thuộc nhóm
- Câu 58. Kháng sinh có tác dụng phụ gây sốc phản vệ là
- Câu 59. Kháng sinh nhóm quinolon gây tổn thương sụn nên chống chỉ định cho trẻ em dưới tuổi.
- Câu 60. Các ion kim loại đa hóa trị có thể tạo phức chelat làm giảm hấp thu các thuốc nhóm Fluoroquinolon. Cách xử trí trong trường hợp này là
- Câu 61. Khắc phục tác dụng phụ của thuốc kháng viêm glucocorticoid có tác dụng tại chỗ (xịt) trong điều trị hen suyễn là sử dụng bông đệm,
- Câu 62. Phối hợp 3 thuốc OAC trong điều trị loét dạ dày nhiễm *H.pylori* là omeprazol, amoxicillin,
- Câu 63. Kể tên 1 thuốc trị tăng huyết áp dùng được cho phụ nữ có thai là
- Câu 64. Losartan là thuốc hạ huyết áp thuộc nhóm thuốc nào?
- Câu 65. Kể tên 2 dạng bào chế thường gặp của nhóm thuốc kháng viêm corticoid (glucocorticoid):,
-

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm: 50 câu		7.0	
Nhóm câu hỏi			
Câu 1 – 30		3.0	
Câu 31 – 50		4.0	
II. Tự luận: 15 câu		3.0	
Câu 51	Loét dạ dày, tăng huyết áp	0.2	
Câu 52	Dược thư quốc gia Việt Nam	0.2	
Câu 53	Uống nguyên viên, uống sau ăn	0.2	
Câu 54	Đói/trước ăn	0.2	
Câu 55	Cloramphenicol/thiamphenicol	0.2	
Câu 56	Thận và thính giác/tai	0.2	
Câu 57	Cyclin	0.2	
Câu 58	Penicillin	0.2	
Câu 59	15	0.2	
Câu 60	Uống cách xa 2 giờ	0.2	
Câu 61	Súc miệng/họng	0.2	
Câu 62	Clarithromycin	0.2	
Câu 63	Methyldopa/Hydralazin	0.2	
Câu 64	Chẹn kênh calci/CCB	0.2	
Câu 65	Tiêm/bôi da/uống/xịt/nhỏ mắt...	0.2	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Lý Thị Phương Hoa

ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang